



**B.** Nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu.

**C.** Xuất khẩu tăng nhanh và liên tục.

**D.** Nhập khẩu tăng nhanh và liên tục.

**Câu 5:** Ngành vận tải đường hàng không và đường biển có chung đặc điểm là

**A.** lưu thông nội địa, quốc tế.

**B.** khối lượng luân chuyển lớn.

**C.** giá rẻ, tiện nghi, linh hoạt.

**D.** tốc độ vận chuyển rất chậm.

**Câu 6:** Nguồn lao động dồi dào của các nước đang phát triển, tạo thuận lợi cho phát triển ngành công nghiệp nào sau đây?

**A.** Cơ khí.

**B.** Luyện kim.

**C.** Năng lượng.

**D.** Dệt - may.

**Câu 7:** Vai trò quan trọng nhất của ngành giao thông vận tải đối với nền kinh tế các quốc gia là

**A.** vận chuyển hàng hóa ra thị trường.

**B.** cung cấp vật tư, nguyên nhiên liệu.

**C.** giúp phát triển kinh tế vùng núi cao.

**D.** giúp sản xuất liên tục, bình thường.

**Câu 8:** Điểm công nghiệp có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Đồng nhất với một điểm dân cư.

**B.** Gần với đô thị vừa và lớn.

**C.** Có ranh giới xác định rõ ràng.

**D.** Có các xí nghiệp nông cốt.

**Câu 9:** Vận tải bằng ô tô có ưu điểm nổi bật là

**A.** chở được hàng hóa rất nặng.

**B.** tốc độ vận chuyển rất nhanh.

**C.** ít gây ra ô nhiễm môi trường.

**D.** sự tiện lợi, tính cơ động cao.

**Câu 10:** Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là

**A.** khối lượng vận chuyển hàng hóa.

**B.** sự tiện nghi, an toàn của hành khách.

**C.** khối lượng luân chuyển hàng hóa.

**D.** sự chuyên chở người và hàng hóa.

**Câu 11:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG DẦU MỎ THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng dầu mỏ	3605,5	3983,4	4362,9	4484,5

(Nguồn: SGK Địa lí 10 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam năm 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng dầu mỏ của thế giới giai đoạn 2000 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.                      B. Cột.                      C. Miền.                      D. Tròn.

**Câu 12:** Sản phẩm của ngành chăn nuôi là nguyên liệu cho ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Hóa chất.                      B. Cơ khí.                      C. Thực phẩm.                      D. Luyện kim.

**Câu 13:** Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào sau đây có vùng lãnh thổ lớn nhất?

- A. Vùng công nghiệp.                      B. Trung tâm công nghiệp.  
C. Khu công nghiệp.                      D. Điểm công nghiệp.

**Câu 14:** Những hoạt động dịch vụ nào sau đây thuộc nhóm dịch vụ kinh doanh?

- A. Bán buôn, du lịch, giáo dục.                      B. Vận tải, bảo hiểm, tài chính.  
C. Giáo dục, y tế, bất động sản.                      D. Tài chính, bán buôn, bán lẻ.

**Câu 15:** Nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến việc lựa chọn địa điểm xây dựng khu công nghiệp là

- A. khí hậu.                      B. sinh vật.  
C. nguồn nước.                      D. vị trí địa lí.

**Câu 16:** Sản phẩm của công nghiệp thực phẩm rất đa dạng, chủ yếu là nhờ

- A. nguyên liệu dồi dào.                      B. nguồn lao động đông.  
C. áp dụng kĩ thuật thấp.                      D. nguồn vốn đầu tư lớn.

**Câu 17:** Ngành vận tải có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất trên thế giới là

- A. đường biển.                      B. đường ống.  
C. đường sắt.                      D. đường ô tô.

**Câu 18:** Nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến hình thành các điểm du lịch là

- A. quy mô, cơ cấu dân số.                      B. tài nguyên du lịch.  
C. cơ cấu nền kinh tế.                      D. mức sống của người dân.



Thời gian: **45 phút** (không kể thời gian giao đề)**ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM**

<b>1</b>	<b>B</b>	<b>6</b>	<b>D</b>	<b>11</b>	<b>B</b>	<b>16</b>	<b>A</b>	<b>21</b>	<b>C</b>
<b>2</b>	<b>D</b>	<b>7</b>	<b>D</b>	<b>12</b>	<b>C</b>	<b>17</b>	<b>A</b>		
<b>3</b>	<b>C</b>	<b>8</b>	<b>A</b>	<b>13</b>	<b>A</b>	<b>18</b>	<b>B</b>		
<b>4</b>	<b>A</b>	<b>9</b>	<b>D</b>	<b>14</b>	<b>B</b>	<b>19</b>	<b>B</b>		
<b>5</b>	<b>A</b>	<b>10</b>	<b>D</b>	<b>15</b>	<b>D</b>	<b>20</b>	<b>A</b>		

**ĐÁP ÁN TỰ LUẬN**

<b>CÂU</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐIỂM</b>
<b>1</b>	<b>Trình bày đặc điểm của khu công nghiệp tập trung</b>	<b>1,5</b>
	- Khu vực có ranh giới rõ ràng; có vị trí thuận lợi.	<b>0,5</b>
	- Tập trung tương đối nhiều các xí nghiệp với khả năng hợp tác sản xuất cao. Có các xí nghiệp dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp.	<b>0,5</b>
	- Sản xuất các sản phẩm vừa để tiêu dùng trong nước, vừa để xuất khẩu	<b>0,5</b>
<b>2</b>	<b>Trình bày ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải</b>	<b>1,5</b>
	- Điều kiện tự nhiên quy định sự có mặt và vai trò của một số loại hình giao thông vận tải.	<b>0,5</b>
	- Điều kiện tự nhiên ảnh hưởng lớn đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải.	<b>0,5</b>
	- Khí hậu và thời tiết có ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động các phương tiện vận tải.	<b>0,5</b>

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO  
TẠO****KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2021-  
2022****TỈNH QUẢNG NAM****Môn: ĐỊA LÍ – Lớp 10**

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian: **45 phút** (không kể thời gian giao đề)

Mã đề 708

(Đề gồm có **02** trang)**PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm):****Câu 1:** Ưu điểm nổi bật nhất của ngành hàng không là

- A. không ra gây ô nhiễm.                      B. tốc độ vận chuyển nhanh.  
C. khối lượng vận chuyển lớn.                D. cước phí vận chuyển rẻ.

**Câu 2:** Sử dụng vốn đầu tư ít nhưng thời gian hoàn vốn nhanh là đặc điểm của ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Luyện kim.            B. Dệt - may.            C. Năng lượng.            D. Hóa chất.

**Câu 3:** Cho bảng số liệu:**GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TOÀN THẾ GIỚI,  
GIAI ĐOẠN 2010 – 2020**

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2014	2018	2020
Giá trị nhập khẩu	18500	23260	24609	21704
Giá trị xuất khẩu	19047	23880	25208	22435

(Nguồn: SGK Địa lí 10 - Chân trời sáng tạo, NXB Giáo dục Việt Nam năm 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới, giai đoạn 2010 - 2020?

- A. Nhập khẩu tăng nhanh và liên tục.  
B. Xuất khẩu tăng nhanh và liên tục.  
C. Xuất khẩu luôn nhỏ hơn nhập khẩu.

**D.** Nhập khẩu luôn nhỏ hơn xuất khẩu.

**Câu 4:** Ngành vận tải nào sau đây có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất trên thế giới?

- A.** Đường sắt.      **B.** Đường ô tô.      **C.** Đường biển. **D.** Đường ống.

**Câu 5:** Vai trò quan trọng nhất của ngành giao thông vận tải đối với nền kinh tế các quốc gia là

**A.** giúp sản xuất liên tục, bình thường.      **B.** cung cấp vật tư, nguyên nhiên liệu.

**C.** vận chuyển hàng hóa ra thị trường.      **D.** giúp phát triển kinh tế vùng núi cao.

**Câu 6:** Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng tới sức mua, nhu cầu dịch vụ?

- A.** Mức sống, thu nhập thực tế.      **B.** Trình độ phát triển kinh tế.

- C.** Năng suất lao động xã hội.      **D.** Quy mô, cơ cấu dân số.

**Câu 7:** Ngành công nghiệp điện tử - tin học có đặc điểm nào sau đây?

- A.** Gây ra ô nhiễm môi trường diện rộng.

- B.** Tiêu thụ rất nhiều nguyên liệu kim loại.

- C.** Quy trình sản xuất tương đối đơn giản.

- D.** Lao động có trình độ chuyên môn cao.

**Câu 8:** Ngành công nghiệp nào sau đây tạo ra công cụ, thiết bị, máy móc cho các ngành kinh tế?

- A.** Cơ khí.      **B.** Luyện kim đen.

- C.** Điện tử.      **D.** Luyện kim màu.

**Câu 9:** Vai trò quan trọng nhất của ngành dịch vụ là

- A.** tạo ra nhiều việc làm cho người dân trong nước.

- B.** thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển.

- C.** khai thác tốt hơn nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- D.** sử dụng tốt hơn nguồn lao động từ ngoài nước.

**Câu 10:** Ngành công nghiệp nào sau đây có lợi thế cho lao động nữ?

- A.** Dệt - may.      **B.** Năng lượng.

- C.** Luyện kim.      **D.** Hóa chất.

**Câu 11:** Các dịch vụ nào sau đây thuộc nhóm dịch vụ tiêu dùng?

- A. Vận tải, bảo hiểm và viễn thông.
- B. Tài chính, bán buôn và bán lẻ.
- C. Bán buôn, du lịch và giáo dục.
- D. Giáo dục, y tế và bất động sản.

**Câu 12:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG DẦU MỎ VÀ ĐIỆN THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 2000 - 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng				
Dầu mỏ (triệu tấn)	3605,5	3983,4	4362,9	4484,5
Điện (tỉ kWh)	15555,3	21570,7	24266,3	27004,7

(Nguồn: SGK Địa lí 10 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam năm 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và điện trên thế giới giai đoạn 2000 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Cột.
- C. Tròn.
- D. Miền.

**Câu 13:** Công nghiệp khai thác than thuộc ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Hóa chất.
- B. Năng lượng.
- C. Luyện kim.
- D. Cơ khí.

**Câu 14:** Chất lượng của dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa được thể hiện qua tiêu chí nào sau đây?

- A. Khối lượng luân chuyển.
- B. Cự li vận chuyển trung bình.
- C. Khối lượng vận chuyển.
- D. Sự tiện nghi và an toàn.

**Câu 15:** Kênh đào Xuy-ê nối liền Địa Trung Hải với biển nào sau đây?

- A. Biển Bắc.
- B. Biển Ban-tích.
- C. Biển Đen.
- D. Biển Đỏ.

**Câu 16:** Ngành vận tải đường hàng không và đường biển có chung đặc điểm là

- A. tốc độ vận chuyển rất chậm.
- B. giá rẻ, tiện nghi, rất cơ động.
- C. khối lượng luân chuyển lớn.
- D. lưu thông nội địa, quốc tế.

**Câu 17:** Điểm công nghiệp có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có rất nhiều xí nghiệp nông cốt.
- B. Có nhiều ngành công nghiệp.
- C. Gồm một đến hai xí nghiệp.



D. Là vùng lãnh thổ rộng lớn.

**Câu 18:** Ngành nào sau đây có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân?

A. Du lịch.                      B. Chăn nuôi.

C. Trồng trọt.                      D. Công nghiệp.

**Câu 19:** Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào sau đây thường không có mối liên hệ sản xuất với các xí nghiệp khác?

A. Khu công nghiệp.                      B. Điểm công nghiệp.

C. Vùng công nghiệp.                      D. Trung tâm công nghiệp.

**Câu 20:** Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm có ảnh hưởng nhiều nhất đến ngành nào sau đây?

A. Du lịch.                      B. Dịch vụ.                      C. Cơ khí.                      D. Nông nghiệp.

**Câu 21:** Nhân tố có ảnh hưởng mang tính quyết định đến phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải là

A. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật.

B. sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế.

C. Nguồn vốn đầu tư, khoa học công nghệ.

D. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên.

**PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm):**

**Câu 1 (1,5 điểm).** Trình bày đặc điểm của khu công nghiệp tập trung.

**Câu 2 (1,5 điểm).** Trình bày ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải.

----- **HẾT** -----

*Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

*Họ và tên học sinh: .....; Số báo danh:*

.....

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2021-  
TỈNH QUẢNG NAM                      2022**

**Môn: ĐỊA LÍ – Lớp 10**

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian: **45 phút** (không kể thời gian giao đề)**ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM**

<b>1</b>	<b>B</b>	<b>6</b>	<b>A</b>	<b>11</b>	<b>C</b>	<b>16</b>	<b>D</b>	<b>21</b>	<b>B</b>
<b>2</b>	<b>B</b>	<b>7</b>	<b>D</b>	<b>12</b>	<b>A</b>	<b>17</b>	<b>C</b>		
<b>3</b>	<b>D</b>	<b>8</b>	<b>A</b>	<b>13</b>	<b>B</b>	<b>18</b>	<b>D</b>		
<b>4</b>	<b>C</b>	<b>9</b>	<b>B</b>	<b>14</b>	<b>D</b>	<b>19</b>	<b>B</b>		
<b>5</b>	<b>A</b>	<b>10</b>	<b>A</b>	<b>15</b>	<b>D</b>	<b>20</b>	<b>D</b>		

**ĐÁP ÁN TỰ LUẬN**

<b>CÂU</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐIỂM</b>
<b>1</b>	<b>Trình bày đặc điểm của khu công nghiệp tập trung</b>	<b>1,5</b>
	- Khu vực có ranh giới rõ ràng; có vị trí thuận lợi.	<b>0,5</b>
	- Tập trung tương đối nhiều các xí nghiệp với khả năng hợp tác sản xuất cao. Có các xí nghiệp dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp.	<b>0,5</b>
	- Sản xuất các sản phẩm vừa để tiêu dùng trong nước, vừa để xuất khẩu	<b>0,5</b>
<b>2</b>	<b>Trình bày ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải</b>	<b>1,5</b>
	- Điều kiện tự nhiên quy định sự có mặt và vai trò của một số loại hình giao thông vận tải.	<b>0,5</b>
	- Điều kiện tự nhiên ảnh hưởng lớn đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải.	<b>0,5</b>
	- Khí hậu và thời tiết có ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động các phương tiện vận tải.	<b>0,5</b>